

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18-06-2021.

V/v Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mừng;

2. Bà Lưu Thị Kiên.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Nhiên – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 165/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2021/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị B, sinh năm 1963;

Địa chỉ cư trú: Đường TC, khu phố NĐ, phường NT, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu P, sinh năm 1961;

Địa chỉ cư trú: Đường TC, khu phố NĐ, phường NT, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng Thương mại cổ phần S (gọi tắt là S);

Địa chỉ trụ sở: Đường N, phường T, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc Sacombank.

Đơn vị được ủy quyền tham gia tố tụng: Ngân hàng Thương mại cổ phần S, chi nhánh T; Địa chỉ: Đường B, khu phố B, phường H, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

Người được ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng S, chức vụ: Giám đốc chi nhánh Sacombank Tây Ninh (Văn bản ủy quyền số 3977/2020/QĐ-PL ngày 28-12-2020). Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Quốc B, sinh năm 1987 và chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1987; Cùng địa chỉ cư trú: Đường TC, khu phố NĐ, phường NT, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17-3-2021, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị B trình bày:

Bà và ông P tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1984, có tổ chức lễ cưới, đến năm 2001 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NT (nay là Ủy ban nhân dân phường NT), thành phố TN. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hòa hợp, ông P hay đánh đập bà B, đến năm 2015 bà đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án sau đó đã rút đơn kiện. Nay ông P vẫn không thay đổi nên bà tiếp tục yêu cầu được ly hôn với ông P.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên là Nguyễn Quốc B, sinh ngày 11-10-1987; Nguyễn Thị Khánh V, sinh ngày 14-12-1992 đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông bà có bảo lãnh nợ cho vợ chồng anh Nguyễn Quốc B, chị Nguyễn Thị Kim L vay tiền tại Ngân hàng Thương mại cổ phần S, chi nhánh T. Hiện nay anh B, chị L còn nợ số tiền 500.000.000 đồng. Để đảm bảo khoản vay này ông bà có thể chấp 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại khu phố NDD, phường NT, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh cho Ngân hàng. Bà không yêu cầu giải quyết khoản nợ này, ngoài ra bà xác định không còn nợ cá nhân, tổ chức nào khác.

Về tài sản chung: Ngày 17-3-2020 bà B làm đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng gồm: 02 phần đất và nhà ở tọa lạc tại khu phố NĐ, phường NT, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; phần đất ruộng tọa lạc tại xã TB, huyện CT, tỉnh Tây Ninh. Đến ngày 19-4-2021 bà làm đơn xin rút lại yêu chia tài sản chung vợ chồng.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Hữu P trình bày:*

Ông thống nhất với lời trình bày của bà B về thời gian chung sống, kết hôn, mâu

thuần vợ chồng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, khoảng 15 năm trở lại do bà B thường xuyên chửi mắng ông nên vợ chồng ông đã sống ly thân trong cho đến nay. Ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của bà B.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên là Nguyễn Quốc B, sinh ngày 11-10-1987; Nguyễn Thị Khánh V, sinh ngày 14-12-1992 đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông thống nhất với lời trình bày của bà B, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Quốc B, chị Nguyễn Thị Kim L trình bày:*

Anh chị có vay tại Ngân hàng Thương mại cổ phần S chi nhánh T số tiền 800.000.000 đồng vào ngày 16-8-2019, thời hạn 15 năm. Anh B và chị L đã trả được nợ gốc 300.000.000 đồng hiện nay còn nợ gốc 500.000.000 đồng. Khoản vay này anh chị được bà B, ông P đứng ra bảo lãnh nợ và thế chấp 02 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên 02 phần đất tọa lạc tại khu phố NĐ, phường NT, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh cho Ngân hàng. Anh chị tự chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần S là ông Nguyễn Hồng S trình bày:*

Ngân hàng Thương mại cổ phần S, chi nhánh T xác nhận anh Nguyễn Quốc B và chị Nguyễn Thị Kim L có vay số tiền 800.000.000 đồng, ngày 16-8-2019, thời hạn là 15 năm. Phương thức trả dần hàng tháng. Dư nợ hiện nay: 500.000.000 đồng. Để bảo lãnh nợ cho anh B, chị L thì ông P, bà B có thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản số vào sổ cấp GCN: CS 04286 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 03-9-2015 đối với thửa đất 848, tờ bản đồ số 27 tọa lạc tại khu phố ND, phường NT, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: 02162 do Ủy ban nhân dân huyện HT, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 19-12-1995 đối với thửa đất 148, tờ bản đồ 8 tại khu phố NĐ, phường NT, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh cho ông Nguyễn Hữu P.

Anh B, chị L đồng ý trả nợ theo hợp đồng tín dụng, ông P và bà B không phân chia tài sản nên Ngân hàng Thương mại cổ phần S không yêu cầu giải quyết nợ. Ngân hàng xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:*

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử

vào phòng nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt.

+ Về nội dung: Căn cứ vào Điều 217, 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị B. Cho ly hôn giữa bà Trần Thị B và ông Nguyễn Hữu P. Con chung Nguyễn Quốc B, sinh ngày 11-10-1987; Nguyễn Thị Khánh V, sinh ngày 14-12-1992 đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của bà B về chia tài sản chung, nợ chung.

Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Thị B khởi kiện yêu cầu ly hôn, chia tài sản chung đối với ông Nguyễn Hữu P, cư trú tại phường NT, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Do vậy vụ án có quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp về ly hôn, chia tài sản khi ly hôn*” và Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông P, anh B, chị L và người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP S vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, có đơn xin giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà B và ông P tự nguyện chung sống từ năm 1984 và đến năm 2001 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NT (nay là phường NT), thành phố TN. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà B và ông P đều thừa nhận chung sống không hạnh phúc, đã sống ly thân với nhau trong khoảng thời gian dài, mặt khác ông P cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà B. Xét thấy cuộc sống hôn nhân của ông bà không mang lại hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B đối với ông P theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về con chung: Bà Bình và ông P có 02 con chung tên là Nguyễn Quốc B, sinh

ngày 11-10-1987 và Nguyễn Thị Khánh V, sinh ngày 14-12-1992 đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống bà B, ông P xác định có tài sản chung gồm:

+ Quyền sử dụng đất và nhà ở gắn liền trên phần đất có diện tích 237m² thuộc thửa đất 148, tờ bản đồ 8 tại khu phố NĐ, phường NT, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02162QSDĐ/D4 do Ủy ban nhân dân huyện HT, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 19-12-1995 cấp cho ông Nguyễn Hữu P.

+ Quyền sử dụng đất có diện tích 459,9m² thuộc thửa đất 848, tờ bản đồ 27 tọa lạc tại khu phố NĐ, phường NT, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ CS04286 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 03-9-2015 cho ông Nguyễn Hữu P.

+ Quyền sử dụng đất diện tích 10.075m² đất thuộc thửa 2205, 2215, 2216, 2951 tờ bản đồ số 4 đất ruộng tọa lạc tại xã TB, huyện CT, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04010 QSDĐ/450504 do Ủy ban nhân dân huyện CT, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 14-11-1997 cho ông Nguyễn Hữu P.

Quá trình giải quyết vụ án, bà B xin rút phần yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung vợ chồng nên Hội đồng xét xử cần đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn của bà B theo quy định tại Điều 217, 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà B và ông P có quyền khởi kiện lại yêu cầu giải quyết tài sản chung theo quy định pháp luật.

Về nợ chung: Bà B và ông P có bảo lãnh nợ cho vợ chồng anh Nguyễn Quốc B, chị Nguyễn Thị Kim L vay tiền tại Ngân hàng Thương mại cổ phần S, chi nhánh T, dư nợ còn lại là 500.000.000 đồng. Bà B, ông P có thể chấp 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở tọa lạc khu phố NĐ, phường NT, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh cho Ngân hàng để đảm bảo khoản vay cho anh B, chị L.

Do bà B, ông P, anh B, chị L và Ngân hàng Thương mại cổ phần S đều không yêu cầu giải quyết nợ trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết, nếu phát sinh tranh chấp, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết ở vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà B phải chịu án phí ly hôn 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo quy định pháp luật.

Do bà B rút lại yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung khi ly hôn nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định pháp luật.

[4] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 217, 218, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị B về việc “*Ly hôn*” đối với ông Nguyễn Hữu P.

1.1. Cho ly hôn giữa bà Trần Thị B và ông Nguyễn Hữu P.

1.2. Về con chung: Con chung Nguyễn Quốc B, sinh ngày 11-10-1987 và Nguyễn Thị Khánh V, sinh ngày 14-12-1992 đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết.

1.3. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị B về việc “*Chia tài sản khi ly hôn*” đối với ông Nguyễn Hữu P. Bà B, ông P có quyền khởi kiện lại yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung theo quy định pháp luật.

1.4. Về nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị B phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí khởi kiện bà đã nộp 11.300.000 (Mười một triệu ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0001326 ngày 19-03-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Hoàn trả cho bà Trần Thị B số tiền 11.000.000 (Mười một triệu) đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án./.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-TAND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- CCTHADS TPTN;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

- UBND P. Ninh Thạnh;
- Đường sự;
- Lưu HS.

Bùi Thị Liên